

## BẢN LUẬN QUYỂN 66

Trong phần tùy vấn nạn giải thích, nêu chung “sở duyên” của “hoặc” tịnh ở cuối quyển trước.

Dưới đây, nói riêng: Trước giải thích riêng về bốn đế; sau, nói chung để lập.

Trong phần trước, đầu, tiên là giải thích khổ đế tức là ba khổ có pháp, dụ, hợp. Tuy nhiên, với ba khổ, này lại dựa vào một chỗ Du-già và Đối Pháp. Y cứ ba thọ kia trong văn và thuận với các pháp của ba thọ, nhằm phân tách về tướng mạo của ba khổ. Nói rộng như luận Đối Pháp.

Nay, trong văn này, thế nào là tánh của khổ hành? (Nghĩa là nghiệp phiền não của “hữu” sau đã sinh ra các hành: Trong cảm nghiệp phiền não của ba thời gian, nêu lên nghiệp của “hữu” sau. Và, phiền não sinh ra các hành, là loại thể của khổ hành, như “hoặc”, nghiệp của hiện đời đã sinh các hành, đều là Khổ hành. Hoặc có thể khổ hành này, do y cứ vào nhân trước, quả sau, nên gọi là sau. “Hoặc” nghiệp của ba thời gian đã sinh ra các hành đều gọi là “hữu” sau, cho nên nói các hành do nghiệp phiền não hậu hữu sinh ra. Nói cụ thể, thì chủ thể sinh “hoặc” nghiệp đã sinh ra các Hành, đều là tự thể của khổ hành.

Hành này do kèm theo tính chất thô nặng, vì không điều hòa, nhu thuận, nên thể của hành không yên ổn, vì dù khởi hết phần vị, vẫn không được tự tại, nên gọi là khổ hành. Vì sao biết được thông suốt?(Vì y cứ vào “hoặc”, nghiệp để nói về khổ hành. Như văn dưới đây nói: “Chỉ là tập đế đều là khổ đế. Tự mình là có khổ đế mà chẳng phai là tập đế, nghĩa là A-la-hán đã thành tựu pháp hữu lậu thiện và pháp vô ký. Và thân phàm phu đã thành tựu các pháp vô ký v.v... của Dị thực.

Nói: “Đối với trong tự thể của hành, khổ kia, sinh ra phiền não và các khổ”, nghĩa là thể của hành ba tánh thuận sinh khổ “hoặc”.

Nói: “Tất cả an lập thuộc về tính thô nặng của tất cả biến hành, cũng gọi là sự thô, nặng là tánh chất của khổ hành, nghĩa là đối với các hành ba tánh của hành, khổ kia, cùng các phiền não và các khổ làm chỗ sở y, tức có tánh không điều hòa, nhu thuận của phiền não. hành khắp ba tánh theo đuổi không bỏ, khiến cho hành không yên, thành tánh của hành, khổ. Lại, các hành kia lúc sinh khổ khổ, khổ hoại kia, còn có tánh không điều hòa nhu thuận của hai khổ, theo đuổi hành nọ, khiến hành không yên, cũng gọi là khổ hành. Lại, khổ hành này hoạt động khắp (hiện hành) trong tất cả ba thọ, nghĩa là lúc hành ba thọ, bị tính thô nặng

kia theo đuổi, đều là khổ hành kia ư?”

(Vì giải thích nghi ngờ này, nên nói: “Nhưng đối với xả thọ, tánh thô, nặng này biểu hiện rõ ràng, chỉ nói khổ hành của xả thọ, nên nói: “Đối với hai thọ yêu, giận dữ khác, gây nhiều loạn nổi khổ thô nặng này, chẳng thể hiểu rõ một cách dễ dàng, nghĩa là lạc thọ do ái nhiều loạn, nói là khổ hoại. Khổ thọ do sự giận dữ gây nhiều loạn, nói là khổ khổ, dù là khổ hành, nhưng tướng của nó khó biết.

Kế dưới đây nói thí dụ, thí dụ này như văn”.

(Hỏi: “Như đối với mình, ưa sinh ra ái, đối với người khác, ưa nổi cơn giận dữ. Cả hai sự ưa thích của mình, người đều sinh vô minh. Như đối với khổ thọ, chẳng phải chỉ sinh ra tức giận, cũng sinh ái. Xả ái đầu cuối mà còn sinh ba “hoặc”, sao lại nói riêng về lạc thọ bị ái nhiều loạn; khổ thọ bị giận dữ nhiều loạn ư?”

Văn dưới đây có hai lần “Lại nữa”. Vì giải thích vấn nạn này, đầu tiên nói rằng: “Dù mỗi thọ đều sinh ba “hoặc”, nhưng niềm vui thuận với tình, sinh ra nhiều tham ái; nổi khổ trái với tình, thường sinh giận dữ. Đối với trong khổ hành của xả thọ, thường sinh ra vô minh, khởi bốn điên đảo.

Lại, “các kẻ ngu v.v... ” trở xuống, là lần “lại nữa” thứ hai, nói phần nhiều nhân lạc thọ sinh ra ái làm ba ác hạnh, đọa Na-lạc-ca. Lại, thường do vui sinh ái. Sinh ái khắp cả các đường, thọ lãnh tám khổ, thường do khổ, thọ sinh giận dữ, gây ra ba ác hạnh đọa vào các đường ác. Trong xả thọ, phần nhiều sinh ra vô minh điên đảo như trên.

Nói: “đối với hai thứ khổ, nghĩa là dục vào lạc thọ tham, sinh ra “khổ hoại” và dựa vào khổ thọ sân, sinh ra “khổ khổ”, cũng do vô minh sinh ra tư không xả, sinh ra “khổ hoại”, nghĩa là do vô minh khởi tham, không thể nhàm bỏ, sinh ra “khổ hoại”, khởi hành bất xả, khởi lên “khổ khổ”, cũng do vô minh khởi sân, sinh ra hành không xả, khởi lên “khổ khổ”.

“Cho nên v.v... ” trở xuống, là kết: Phật, Thế Tôn chỉ lập ba thứ phiền não căn bản.

Nói: “Dựa vào mật ý này v.v...” trở xuống, hội ý, giải thích lời chú, nói là quán tướng mạo của ba thọ.

“Nếu có thể quán tánh vô thường chân thật như thế trở xuống, nghĩa là quán quán các hành vô thường, dứt dần điên đảo. Các hành như thế, là sự Thánh đế khổ của nghĩa thứ nhất, nghĩa là kết khổ hành kia là sự khổ Thánh đế của nghĩa thứ nhất.

“Tất cả Thánh Hiền v.v... ” trở xuống, là nêu trên, so sánh dưới.

Trong khổ đế, không khởi ưa vui. Kế là, nói về tập đế. Về lý, đế tức là chân như, chỉ do giải thích tướng, an lập nghiệp, “hoặc”, gọi là Tập Thánh đế, nên nói rằng: “Do đạo lý của tướng. Hoặc có thể tập, khởi đạo lý của danh tướng chung, trong đó y cứ vào sự vượt hơn, gọi là đạo lý vượt hơn.

Dưới đây, là nói về Diệt, Đạo, như văn. Kế là, nói về ý kiến lập bốn đế:

Vì muốn cho người tu hành biết khổ; dứt tập; chứng diệt và tu đạo, nên lược kiến lập các tướng của Thánh đế; rộng, thì vô biên. Lại, “khiến cho biết rõ cho đến “Về sau, mới chỉ bày khổ của năm thủ uẩn: khổ Sinh trong tám khổ thô nhất, kế là, lão, bệnh, thứ đến là chết, cho đến khổ hành của năm thủ uẩn. Vì năm khổ trước là “khổ khổ” kia. Kế là hai khổ hoại, một khổ sau là khổ hành rất nhỏ nhiệm.

Dưới đây, là quyển mười một giải thích “Pháp gìn giữ, trong đó chia làm bốn:

1. Nói về năm tướng, lập trách nhiệm gìn giữ.
2. Nói về phế lập.
3. Nói về tướng của đoạn thực.
4. Nói về bốn cách ăn, với bốn trường hợp phân biệt.

Trong phần đầu, trước là nêu, lên, 2/ Y cứ vào đường để nói về “có”, “không”. Thể của bốn cách ăn là đoạn thực. Văn dưới nói rằng: “Phải nói là thuộc về nơi chốn của hương, vị, xúc”. Luận Thành Duy Thức nói: “Rằng ba hương, vị, xúc thuộc về cõi Dục”. Ý lời nói này chứng tỏ chỉ cõi Dục quan hệ ba thứ hương, vị, xúc. Có sự giúp đỡ nuôi nấng khi đổi thay hư hoại, nói là thức ăn, chứ chẳng phải thứ khác.

Về xúc thực, quyển chín mười bốn cho rằng: “Các xúc hữu lậu đem đến mừng, vui làm thức ăn”. Duy thức cũng nói: “Khi hữu lậu vừa lấy cảnh, nhiếp thọ hỷ, lạc và thuận ích xả, có thể làm sự ăn”.

Lời nói này chủ yếu chỉ rõ tám thức hữu lậu của ba cõi đều có xúc nhiếp thọ hỷ, lạc và thuận ích xả, nhiếp ích cho thân, là thể của xúc thực. Nếu dẫn khổ, ưu, thì chẳng phải ích xả, thể của xúc chẳng phải thức ăn, vì chẳng phải giúp ích, cho nên Thành Duy Thức chép: “Xúc này dù tương ứng với các thức, thuộc về sáu thức, nhưng về nghĩa thức ăn vượt hơn riêng, tức chứng tỏ xúc thực chung cho tám thức đều có.

Mật hội, Nhiếp luận quyển ba của Bồ-tát Thiên Tân nói: “Trong đây, xúc thực thuộc sáu thức TCảnh thô hiển của thân xúc, vì tư cách nuôi nấng vượt hơn, nên không nhóm xúc khác.

Có nghĩa: “Chỉ lấy sáu thức đều có xúc dùng làm thể của ăn”. Ý

của Luận sư này nói: “Do chủ thể dẫn tự đều sinh hỷ, ái v.v... mới gọi là ăn, vì chẳng phải thức thứ bảy, thức tám. Nhưng so với các văn thì giải thích thứ hai là vượt hơn.”

Tư thực. Luận Thành Duy Thức chép: “Rằng, tư hữu lậu đều cùng chuyển biến với dục”. Lại nói: “Tư này dù tương ứng với các thức, nhưng thuộc về ý thức, thì nghĩa ăn là hơn riêng”. Ý này chính thức chỉ rõ tám thức hữu lậu của ba cõi đều cùng với cảnh hy vọng đáng ưa của Tư, nhiếp ích thân, đều là thể của Tư thực. Mật Hội quyển năm mươi bảy và Nhiếp Luận của Bồ-tát Thiên thân nói: ““Duyên” cảnh vị lai, nhiếp ích cho thức, gọi là Tư thực, ý tứ ở cảnh, vì hy vọng là hơn.” Do quyển chín mươi bốn này nói: “Nếu ở ý địa, thì tư có thể hội ý cảnh, gọi là ý hội tứ, có thể chuyên chú ở tất cả cảnh đã yêu thích, với hy vọng làm thức ăn.”

Lại, có nghĩa nữa: “Sáu thức đều tư duy các hữu lậu, nghĩa là cảnh hy vọng, giúp ích cho thân, đều là thể của Tư thực. Thức thứ bảy, thức tám thì không như thế, vì không có hành tướng.

Các chỗ chỉ nói đều có ý, nghĩa là “duyên” khắp ở vị lai, vì ý thức kia là hơn hết. Cũng có Tư hy vọng ở cảnh hiện tại, nên chấp nhận chung cả năm thức.”

Có nghĩa: “Tư thực chỉ thức thứ sáu cùng có, vì các chỗ khác chỉ nói là “duyên” vị lai”.

Trên đây dù có ba giải thích, nhưng giải thích thứ hai là hơn.

Thức thực. Luận Thành Duy Thức chép: “Nghĩa là thức hữu lậu. Thức này dù chung cho tự thể các thức, nhưng nghĩa ăn của thức thứ tám thì hơn riêng. Việc này chứng tỏ Thức thực lấy chung tám thức hữu lậu của ba cõi.

Kế là, y cứ vào đường để nói về “có”, “không”

“Nếu đoạn thực thô, cho đến “Chẳng phải Đại-Na-Lạc Luận sư Cảnh nói: “Rằng Tiểu địa ngục ở trong núi non, nơi hoang vắng, có thức ăn thô. Ở trước nói địa ngục không có đoạn thực, là vì y cứ vào thọ khổ cùng cực trong đại địa ngục, nên không có đoạn thực.”

Pháp sư Thái nói: “Đoạn có thô, tế, thô nghĩa là khắp năm cõi, như văn này nói: “Chỉ trừ Đại na-lạc. Trong Đại Na-lạc cũng có đoạn thực tế, như Bản địa quyển năm chép: “Trong địa ngục có đoạn thực tế, nghĩa là vì gió nhỏ nhiệm, nên đoạn thực khắp các địa ngục.”

Thứ hai, trong phần nói về phế lập, trước là hỏi, đáp để nói về bốn cách ăn, phế lập.(Trong câu hỏi: “Bốn cách ăn do tâm tự tại thông, nghĩa là do thế lực của Thần cảnh trí thông dẫn phát, chiêu cảm thế lực

của nghiệp tuổi thọ, khiến mạng được sống lâu thêm, hoặc có thể tâm tự tại thông, chính là sức định bờ mé, kéo dài nghiệp tàn ác kia, để cho công năng lôi kéo vượt hơn mạng sống lâu.

Sáu thức do tác ý v.v... thiện, bất thiện, vô ký. Luận sư Cảnh nói: “Do tác ý của ba tánh dẫn phát sáu thức, thường khởi không diệt, do nghiệp ngoài, trong, cộng, bất cộng mà chiêu cảm năm trần.”

Pháp sư Khuy Cơ cho rằng: “Nói là nghiệp của khí thể gian, như Bản địa quyển ba nói: “Hoặc cảm một kiếp v.v..., lúc tạo nghiệp này, do tác ý ba tánh làm phương tiện dẫn nghiệp này sinh khởi, hay lôi kéo các pháp khí thể gian, khiến trụ không dứt. Như núi, sông v.v... gọi là cộng sinh nghiệp không chung của ruộng, nhà v.v... sinh, tức Đại sư nói có hai thứ cộng, bất cộng. Hai thứ cộng là:

1. Cộng (chung) trong cộng, như núi, sông v.v....

2. Bất cộng trong cộng (không chung trong chung), như nhà cửa v.v....

Bất cộng có hai:

a/ Bất cộng trong bất cộng, như nhãn căn của mình, người khác không dùng để “duyên”.

b/ Cộng trong bất cộng, như phù căn trần trong thân vì duyên người khác, vì giống nhau.

Trong đây tức hai trong cộng:

Vấn đáp dù do các hành của bảy thứ nhân duyên như thế mà được trụ, cho đến “khiến hành nối tiếp nhau mà trụ: đây tức là đáp chung. Lại như đoạn thực, hoặc có người ăn rễ thuốc, hoa, quả, bùn, đá, lửa, sắt v.v.... Do các thứ môn khiến hành được trụ. Do đoạn thực nên thức thực vui vẻ. Vì thức thực vui vẻ, nên thêm hỷ, lạc. Hỷ, lạc tương ứng với xúc, là xúc thực Tứ, là Tứ thực. Cho nên, bốn cách ăn đều do các thứ môn, khiến các hành trụ. Lại, bốn cách ăn này, như thứ lớp nhiếp thọ nghĩa riêng:

1. Sức khí.

2. Hỷ, Lạc.

3. Đối với cảnh đáng yêu, chuyên chú, hy vọng.

4. Tức đại chủng của các căn của ba sở y và Thọ, Noãn an trụ không hư hoại,

Dưới đây phân biệt có năm, tức giải thích lý do các môn, được trụ:

1. Các cách ăn này để cho hữu tình trụ dễ dàng, vì lấy nhập ngu, trí đồng biết, nên lập riêng cách ăn.

2. Giúp cho căn suy yếu, hao hụt được thêm lợi ích lớn, nghĩa là lợi ích bằng cao sống v.v....

3. Khiến cho tật bệnh được lành, nghĩa là cỏ thuốc v.v....

4. Có hữu tình sống lâu, Trung, Yếu không ăn, cũng có thể uống thuốc tiên. Hữu tình sống lâu trong thời gian dài, phải thường xuyên uống thuốc, nhằm giúp đỡ cho thế lực ở trước, thuốc là đoạn thực. Nếu không uống thuốc nữa thì chẳng phải thời gian Trung, Yếu.

5. Cách ăn này sẽ giúp cho nhập đạo dễ dàng để tu bốn niệm trụ, nghĩa là do đoạn thực, nên có thể tu thân niệm trụ. Do xúc thực, nên có thể tu Thọ niệm trụ. Do thức thực, nên có thể tu Tâm niệm trụ. Do Tư thực, nên có thể tu Pháp niệm trụ.

Kế là, nói về mạng căn phế lập:

“Nói là có chỗ này v.v... cho đến lượng tuổi thọ mà trụ”, nghĩa là các tầng trời cõi sắc v.v... không do uống, ăn, như trụ ở lượng tuổi thọ mà cõi trời kia đã chiêu cảm. Đây là y cứ vào đường thiện chỉ do mạng căn hoặc có đường ác chỉ nhờ thế lực của mạng căn mà trụ, như nga quý v.v....

Thứ ba, là nói riêng tướng mạo của đoạn thực, trong đó, trước, siêu chung, sau giải thích riêng lý do, trong đó có ba:

1. Dùng bốn trần đối nhau để nói về thức ăn, chẳng phải thức ăn.

2. Y cứ vào đoạn vật khi nuốt vào, sinh ra vui vẻ, để nói về thức ăn, chẳng phải thức ăn.

3. Y cứ vào vật từng đoạn, khi nuốt vào, không cảm thấy vui để về thức ăn, chẳng phải thức ăn.

Đầu tiên nói rằng: “Hương, vị, xúc đang tiêu hóa, tức là có thể nuôi lớn v.v...”. Luận sư Cảnh cho rằng: “Hỏi: “Thế của bốn trần như sắc v.v... phổ biến, tương nhập, tức là pháp đồng xứ không lia nhau, đến phần vị tiêu hóa, thay đổi, cả bốn đều tiêu hóa, biến đổi: Xưa trắng, nay vàng, ở trước thơm, bây giờ hôi, xưa ngọt nay đắng, xưa cứng nay mềm, vì sao siêng sắc chẳng phải thức ăn? Lại khi rơi vào thực tạng chính là lúc tiêu hóa, bốn trần như ắc, v.v... bốn thức như nhãn, v.v... đều không biết rõ, vì sao chấp riêng hương, v.v... mà không chấp sắc? Giải thích: chính khi thuận thực biến đổi, tuy ba thức không được ba trần, dùng trước nghiệm sau, biết chỉ có hương, v.v... là đoạn thực. Vì sao? Vì như đem cơm đến, khi chưa vào miệng, mắt thấy sắc cơm, cơn đói khát vẫn còn cào mãi không ngừng, nên sắc chẳng phải thức ăn. Sau khi cơm đã vào miệng, ngốn ngấu nhai nuốt khỏi cổ họng, thức tỳ, thiệt, thân đã nhận được hương, vị, xúc, dù chưa tiêu, hóa, nuôi lớn căn đại, nhưng

ngay từ bấy giờ, cơn đói khát có thể dứt, chính là do khi nuốt qua khỏi cổ họng, là ba trần kia lại chận đứng được cơn đói khát. Do đó, nghiệm biết sau, đến phần vị tiêu hóa, chỉ hưởng vị, xúc nuôi lớn căn đại, trở thành công dụng của thức ăn kia, chứ chẳng phải sắc trần ”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ba trần tế có nghĩa thêm bớt. Thể của Trần sắc thô, nên không thể thêm, bớt.” Kế là nói: “Nếu các đoạn vật cho đến” chỉ gọi là xúc, thực”. Luận sư Cảnh nói: “ Tam tạng nói: “Khi nhận được ba Trần, mỗi ba thức kia là thể của xác thực, cũng có thể lấy tâm số tương ứng với ba thức nọ làm thể của Xúc Thực. Bấy giờ, ba trần chưa thể giúp đỡ, nuôi nấng nên không gọi là đoạn thực.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Vi sự nhận lấy ở đây đã khiến tâm sở vui vẻ, tức tâm số xúc là thể của xúc thực, không lấy trần làm thể của xúc thực vẫn còn lại rất dễ hiểu.

1) Trong phần nói về bốn trường hợp, trong xúc cho đến thức, tùy thích hợp, mà tạo nên bốn trường hợp:

1- Hoặc có khi là xúc mà chẳng phải thức ăn, nghĩa là xúc xả thuận với một phần ưu khổ.

2- Hoặc có khi là thức ăn mà chẳng phải xúc, nghĩa là ba đoạn, tư, thức có thể nuôi lớn đại chúng của các căn.

3- Hoặc có khi là xúc mà cũng là thức ăn, nghĩa là xúc bao gồm giúp ích. Hai thọ hỷ, lạc và một phần xả, giúp ích căn đại v.v...

4- Hoặc chẳng phải xúc mà cũng chẳng phải thức ăn, nghĩa là ba thứ đoạn tư, thức chẳng phải thức ăn.

Hoặc có khi là tư mà chẳng phải thức ăn, nghĩa là “duyên” quá khứ và đời vị lai, hiện tại, không thể nhiếp ích các căn đại.

Hoặc có khi là thức ăn chẳng phải tư, nghĩa là ba cách ăn còn lại, có khi là tư, cũng là thức ăn, nghĩa là tư với dục, đều cùng “duyên” đời vị lai, giúp ích căn đại.

Trường hợp thứ tư, nghĩa là ba cách ăn còn lại, chẳng phải thức ăn.

Hoặc có thức mà chẳng phải thức ăn. Nghĩa là ba cách ăn còn lại giúp đỡ thức, không thể nuôi lớn căn đại.

Hoặc là thức ăn mà chẳng phải thức, nghĩa là ba cách ăn còn lại. Trường hợp thứ ba, nghĩa là đã nuôi nấng thức có thể giúp ích căn đại.

Trường hợp thứ tư, nghĩa là ba cách ăn trước chẳng phải là thức ăn.

Thứ mười hai, là giải thích về pháp có Dị thực, không có Dị thực,

trong đó, 1) Nói có Dị thực. 2) Y cứ vào Thọ, để nói về pháp Dị thực. 3) Đối với nghiệp để nói về Dị thực.

Trong phần đầu có hai:

a) Nêu chung ba trường hợp.

b) Giải thích riêng về ba trường hợp trong đó, đầu tiên là nói về pháp có Dị thực, chia làm hai:

1) Nói về pháp có Dị thực

2) Nói về pháp không có Dị thực.

Trong phần trước, Luận sư cảnh cho rằng: “Nói lược thì, có pháp Dị thực, nghĩa là lậu và Hữu lậu, là nêu ra thể của pháp, phải có đủ ba nghĩa mới có Dị thực.

1) Phải có sức.

2) Không bị tổn hại.

3) Thọ dụng chưa hết.

Dưới Đây, là giải thích ba nghĩa. Pháp khác trong hữu lậu, gọi là không có sức, nghĩa là chẳng phải phiền não trong hữu phú, vô ký, nghĩa là Thọ, tưởng v.v... và, pháp vô phú, vô ký, đều gọi là không có sức”.

Pháp sư Thái nói: “ Pháp bất thiện vì dùng thể đoạn, nên không có Dị thực, thiện hữu lậu do dứt trừ lậu, nên không có Dị thực, không do thể đoạn, lẽ ra phải nói là lậu đã dứt trừ, cũng có thể lậu cũng gọi là hữu lậu, nên nói là hữu lậu dứt trừ.

Thứ hai, trong phần nói về pháp Dị thực, Luận sư Cảnh cho rằng: “Nói. “Lại khi sắp chết, tâm niệm sau cùng là pháp Dị thực, nghĩa là tâm Tử Hữu chỉ là Dị thực vô ký của A-lại-da.

Nói “tâm Vô gián của Kiết sinh”, tâm này có hai lúc:

1) Tâm đầu tiên của Trung hữu là kiết sinh ban đầu, phương tiện của báo sau.

2) Sinh hữu tâm, là kiết thứ hai, sinh căn bản của báo sau.

(Hỏi: “Sau khi chết rồi thọ sinh, có ý thức hay không?”

(Phương Tây có hai phương pháp tranh luận:

1- Không có. Nếu vậy, thì vì sao trong Địa vô tâm chỉ nói sáu vị ư?”

(Đáp: “Vì chết đi, thọ sinh, bị nổi khổ cùng cực ép ngặt, vì tâm tưởng nhỏ nhiệm, nên gồm thấu trong trạng thái ngất xỉu của vô tâm, cho nên không nói khác.

2- Chết đi thọ sinh đều có ý thức, nhưng ở đây nói chết đi, thọ sinh, chỉ là Dị thực, vì ý thức trong phần vị này nhỏ nhiệm, từ A-lại-da,



nói là Dị thực.

Thuyết đầu tiên là khéo hợp với Đối Pháp. Lại, luận Du-già quyển tám mươi chép: “tất cả La-hán sắp vào vô dư, trước nhập diệt định, diệt trong chuyển thức, sau, trụ trong tâm vô ký Dị thực, rồi mới diệt độ.

Nói: “Và trừ tâm vô ký gia hạnh, nghĩa là bốn thứ tâm vô ký đều tác ý dẫn đến, đều gọi là vô ký gia hạnh.”

Pháp sư Thái nói: “Theo Thích Luận của Tối Thắng Tử và Luận sư Giới Hiền v.v... rằng: “Một tâm niệm sau cùng khi qua đời là Dị thực Lại-da, tâm cuối trung ấm khởi kiết sinh nối tiếp nhau. Theo thứ lớp, tâm sau của trung ấm Vô gián sinh, gọi là kiết sinh tâm Vô gián nối tiếp nhau, cũng là Dị thực Lại-da, do lúc sinh, phần ngát xiu, nên sáu thức không hiện hành, lúc chết, thọ sinh chỉ có Lại-da. Tử hữu chết đi, tâm không muốn cầu báo. Lại, vì nhậm vận diệt, nên chỉ là Dị thực. Tâm cuối cùng của trung ấm là phương tiện thọ sinh,, cầu thọ sinh hữu, vì chẳng phải nhậm vận diệt, nên là tâm nhiễm ô. Hoặc trung ấm, Niết-bàn, qua đời, không cầu sinh hữu. Lại, vì dứt trừ “hoặc” hết, nên cũng Bản thức qua đời.

Lại, Luận sư Giới Hiền cho rằng: “Ý thức thứ sáu, hoặc dựa vào năm thức, nên “duyên”.

Theo quyển năm mươi rằng: “Hoặc nương tựa giáo, nên “duyên” quá khứ, vị lai v.v.... Lúc thọ sinh đầu tiên, không có năm thức và không “duyên” giáo, nên không có ý thức. Cõi Vô Sắc vào lúc khác, dù không dựa vào năm thức và giáo, nhưng vì ở trước lúc còn ở cõi Dục, thường tu tập, dựa vào sức danh, nên ý thức sinh riêng vào thời gian khác của cõi Vô Sắc. Đầu tiên thọ báo, sẽ khởi tâm báo, tâm báo của bản thức vì nhậm vận khởi, nên được sinh. Tâm báo của sáu thức gá vào “duyên” khác mà khởi. Lúc mới sinh, vì không có “duyên” khác, nên tâm báo của sáu thức bất sinh. Từ lúc mới thọ sinh này về sau đã có tâm trụ tự tánh của tất cả nhậm vận khởi, đều là tâm Dị thực của bản thức, trừ thiện, nhiễm ô của sáu thức và bốn tâm vô ký gia hạnh của sáu thức khác. Tâm báo sinh của sáu thức do duyên khởi khác chẳng phải nhậm vận thường sinh, cũng là tâm vô ký gia hạnh. Bảy thức nhiễm ô cũng ở trong đó. Trừ bảy thức này, thức còn lại, đều gọi là tâm trụ tự tánh của bản thức. Nếu tâm lìa dục, tâm trụ tự tánh của bản thức, vẫn cố tùy chuyển, trừ điều thiện của địa dưới và bốn tâm vô ký gia hạnh. Phải biết rằng tâm bản thức này cũng là Dị thực. Khi lìa dục, Dị thực đồng với Dị thực lúc chưa lìa dục ở trước, nên nói “cũng vượt hơn”.

Hữu Thích Luận cho rằng: “Bản thức thường hiện hành, không

cần phân biệt. Tâm vô ký báo của ý thức thứ sáu, gọi là tâm Dị thực. Lúc qua đời thọ sinh và tự tánh trụ, ba thời thường hành. Lúc qua đời thọ sanh không sáng suốt rõ ràng, nên là tâm Dị thực. Trong bản địa, trong sáu phần vị sáu thức không hiện hành, không nói là lúc qua đời, thọ sinh không hiện hành, cho nên biết lúc qua đời thọ sanh có báo của ý thức. Từ sau khi thọ sinh tâm nhậm vận khởi tất cả tự tánh sau, đều là Dị thực của sáu thức. Ba vô ký còn lại và gia thiện, nhiễm ô đã khởi phi tự tánh, vì tự nhiên khởi, nên cần phải dứt trừ.

3/ Nói về pháp Dị thực sinh: “Nếu từ Dị thực của tất cả hạt giống cho đến “gọi là pháp Dị thực sinh” thì hạt giống của ba tánh từ thức sở y, đều gọi là Dị thực. Từ hạt giống này sinh ra pháp của ba tánh, đều gọi là pháp Dị thực.”

Luận sư Cảnh nói: “Lại nữa, tâm mất sau cùng của tất cả chỗ và tùy theo tâm nối tiếp nhau của ban đầu, thứ hai, nghĩa là tử hữu gọi là tâm mất sau cùng. Tử Hữu mất rồi, Trung hữu mới khởi sự nối tiếp. Tử Hữu kia gọi là tâm liên tục ban đầu. Sinh hữu khởi nối tiếp Trung hữu kia, gọi là tâm nối tiếp thứ hai, đều chỉ có xả thọ.”

Nói “Trừ tâm nối tiếp nhau ban đầu cho đến “thuộc về Dị thực”, nghĩa là trừ tâm nối tiếp nhau ban đầu của Trung hữu kia và tâm sinh hữu, do thọ trong tâm này đối với tất cả chỗ là thuộc về Dị thực.”

Nói “Khổ, lạc thọ còn lại nên biết rằng đều do Dị thực sinh ra”, nghĩa là trừ tâm đầu tiên của trung hữu kia. Tâm trung hữu của tâm niệm thứ hai. Trở lên thì có cả khổ, vui là Dị thực sinh, trừ tâm sinh hữu. Niệm thứ hai trở đi, thì thuộc về Bản hữu, trong đó, lại lẫn nhau được khởi ba thọ là Dị thực sinh. Dưới đây, là giải thích nghĩa Dị thực sinh.

Nói “Như hạt giống của ba tánh kia thuộc về Dị thực cho đến “từ Dị thực sinh”, nghĩa là hạt giống của ba tánh đồng với thức sở y, nói là Dị thực. Từ hạt giống này lúc sinh hiện hành, gọi là Dị thực sinh.

Nói: “Sinh Na-Lạc-Ca cho đến “Có ưu khổ nối tiếp nhau của Dị thực sinh, nghĩa là sinh hữu của địa ngục nhất định không có ý thức, chỉ xả thọ của A-lại-da. Từ niệm Vô gián thứ hai trở đi, có ưu khổ nối tiếp nhau của Dị thực sinh, chỉ nói về khổ địa ngục trong hai mươi hai căn trước, rất lo, cũng gọi là khổ, nếu y cứ theo thuyết bản hữu. Nay, nói ưu khổ nối tiếp nhau Vô gián của Dị thực, nghĩa là từ sinh hữu nhập một phần bản hữu.

Nói: “Như đọa Na-Lạc cho đến cũng thế, nghĩa là mới sinh, thọ khổ vui lẫn lộn trong các loài quỷ, bàng sinh cũng từ xả ưu khổ nối tiếp nhau Vô gián.

Nói: “Nếu sinh trong loài người cho đến “không có quyết định” trở xuống, là nêu ra Dị thực Vô gián của tướng không quyết định. Có khi ưu khổ v.v..., nghĩa là có người, trời cõi Dục khi mới thọ sinh, từ sau khi xả thọ. Hoặc nhập khổ ưu; hoặc nhập hỷ, lạc, hoặc lại nhập xả.

Nói: “Nếu sinh định thứ tư trở lên, chỉ có Dị thực thọ không khổ, không vui”: đây là nói chung Hỷ, lạc, vì xả thọ này có thể giúp ích thân tâm.

Nói: “Các nghiệp thiện kia cho đến “Cũng gọi là Dị thực đáng ưa thích, nghĩa là tính lự thứ tư trở lên, nghiệp ý tứ thiện chỉ tương ứng với xả, chiêu cảm quả báo hiện ở trước, cũng gọi là Dị thực đáng ưa thích. Cho nên, ở trước gọi là Hỷ, lạc rộng lớn. Pháp sư Thái nói: “Tâm nối tiếp nhau thứ hai tùy theo nối tiếp nhau ban đầu khởi, nên nói “Và tâm tùy nối tiếp nhau ban đầu, thứ hai. Nếu như Thích Luận của Tối Thắng tử v.v... chỉ có bản thức là Dị thực, thì ba tánh của sáu thức đều là Dị thực sinh. Nếu theo giải thích của Thích luận của Luận sư Thắng Hữu thì tâm quả báo của sáu thức cũng là Dị thực, lại là Dị thực sinh.

Nói “Sinh định thứ tư trở lên v.v... cho đến” cũng gọi là Dị thực đáng ưa thích”, nghĩa là giải thích rằng, dùng Hỷ, lạc của Thiên cõi dưới làm phương tiện nhiếp thọ xả thọ của định thứ tư. Các nghiệp thiện không khổ, không vui, của định thứ tư, lúc thọ hiện ở trước, cũng gọi là Dị thực đáng ưa thích.

Lại, giải thích: “Nói ý (khinh an) lạc trong định thứ tư, là hỷ, lạc rộng lớn. Bị Luận sư nói: “y theo văn trên của luận, lại không có ưu, Hỷ lạc trong địa ngục, Vì sao trong đây khổ ưu sinh?”

Giải thích: “Theo văn đoạn thực, ở trước vì y cứ ở Đại Na Lạc Ca, nên không có ưu v.v.... Nay, vì y cứ vào địa ngục biên, nên nói là “có ưu”. Cứ theo địa ngục đó đã có riêng thì đâu có trái nhau.

Tam Tạng Pháp sư nói: “Ở chỗ thuần khổ, ý địa có khổ, gọi là ưu căn, như định thứ ba, vì niềm vui ở ý địa, nên không trái lý. Dưới đây, đối với nghiệp, để nói về Dị thực.

Nói “Nghiệp Dị thực Bạch bạch đã được quả Dị thực vô phú, vô ký: “Câu này là chung.

Nói “Hoàn toàn đáng yêu, thọ thuộc về hạt giống của thọ”: Đây là nói về nhân bạch.

Nói “Phải biết rằng, hoàn toàn đáng ưa thích, hoàn toàn vừa ý”: Đây là nói về quả bạch. Vấn nạn này dù không chỉ cho riêng nghiệp thiện của ba cõi, phát ra thể của nghiệp bạch, nhưng ngụ ý tức lấy chung nghiệp thiện của ba cõi làm thể. Y theo ở dưới đã nói về nghiệp

hắc bạch lẫn lộn, lấy chung hai nghiệp thiện, ác làm nghiệp lẫn lộn hắc bạch, tức biết cõi Dục khi chưa lìa dục, đã khởi phước thiện căn bản của nghiệp thiện không có ác lẫn lộn. Và, khi lìa dục, đã khởi nghiệp thiện, đều là thể của nghiệp bạch bạch. Luận Đối Pháp dựa vào văn chỗ này nói chung nghiệp thiện của ba cõi là thể của nghiệp bạch bạch. Trong văn của một chỗ Du-già chỉ nói nghiệp thiện của cõi Sắc, Vô Sắc là nghiệp bạch bạch.”

Nói “Nghiệp hắc hắc trái với đây”, nghĩa là lấy nghiệp thuần bất thiện, phước thiện căn bản bất thiện, lấy cảm hai báo chung riêng của đường ác, cũng lấy nghiệp khổ thọ, báo riêng của người, trời làm thể. Văn chỗ khác của Du-già nói: “Lấy cảm nghiệp bất thiện của đường ác, làm nghiệp hắc hắc.

Nói “Hắc, bạch đều cùng có nghiệp Dị thực, cũng có hai thứ. Thọ Dị thực: Như tạo nghiệp thiện, dùng thiện làm phước thiện, gồm thân chung hai phước thiện này để làm nghiệp lẫn lộn. Sau khi được quả. Lẫn lộn khổ, vui. Đối Pháp nhận lấy ý văn này, ở chỗ kia nói rằng: “Đôi khi có phước thiện, vì ý ưa thích hắc, cho nên bạch; hoặc có phước thiện, vì ý ưa thích bạch, cho nên hắc. Gồm thân chung để làm nghiệp lẫn lộn hắc bạch. Trong văn một chỗ Du-già chỉ lấy thời gian chưa lìa dục mà khởi nghiệp phước làm thể của nghiệp hắc bạch. Có nghiệp bất thiện vì bị oan đối, tức dựa vào cảnh đã lìa dục của văn kia, nghiệp thiện cõi Dục chẳng phải bao gồm bốn nghiệp. Lần “Lại nữa” thứ ba dưới đây nhằm giải thích nghiệp lẫn lộn:

Nói “Lại, nghiệp hắc, bạch cho đến lập chung hắc, bạch:” Tam Tạng Pháp sư nói: “Sát-na, Sát-na trước sau sinh nhau, gọi là loại sinh, nghĩa là Sát-na trước sinh ở tâm thiện, tức đối với niệm sau, khởi tâm bất thiện làm quyến thuộc, nghĩa là đối với xứ nghiệp của tâm thiện ở trước, bất thiện làm bạn hắc bạch đều cùng có, nên gọi là nghiệp lẫn lộn”.

Luận sư Cảnh cho rằng: “Trong một loài chúng sinh, trước làm phiền não, sau làm lợi ích; hoặc trước làm lợi ích; sau làm phiền não, gồm chung một nghiệp lẫn lộn thứ ba”. Luận sư Bị nói: “Nhân xa đẳng khởi có hai nghiệp, nên lúc đẳng khởi Sát-na dù có nghĩa một nghiệp, nhưng vẫn nói là nghiệp lẫn lộn. Lại, nhân sự sai khác để kiến lập v.v.... Giống như có một người giáo hoá người khác tạo cùng kinh, tượng. Đối với vật kinh, tượng lại hành động xâm phạm gây hư hại, hoặc chiếm đoạt tài sản của người khác mà thực hành tuệ thí. Những hành động này đều nhân sự sai khác để kiến lập ngôn ngữ. Lại, do tự tánh kiên lập

v.v... nghĩa là tánh thiện ác khác nhau, hợp lập một quả; tùy theo ở một chỗ cho làm lợi ích, tức do sự khác làm việc không lợi ích”.

Dưới đây, chỉ sự, nghĩa là như đối với người đều làm ác, vì đã ngờ vực nên nổi giận rơi vào phần hắc. Không mừng về điều ác của người kia, và nảy sinh nhàm chán là thiện, rơi vào phần bạch.

Thứ mười ba, là giải thích có pháp nhân, quả, trước nói về pháp có nhân, có quả, sau, trái lại, làm sáng tỏ pháp chẳng có nhân và pháp chẳng có quả.

Trong phần trước, trước nói pháp có nhân; sau phân tích pháp có quả.

Phần trước nói rằng: “Lại, trụ, nhiễm ô sinh tà tinh tấn, không có hiệu quả, cần cù khổ nhọc v.v..., gọi là pháp có nhân: Tức nói rằng ngoại đạo kia nương thầy bất chính, tà giáo v.v..., gọi là nhiễm ô trụ. Lấy đây làm nhân, khởi tà tinh tấn không có hiệu quả, trụ khổ ưu tư, cần cù vất vả v.v..., tức nói tà tinh tấn v.v..., gọi là pháp có nhân. Đệ tử của pháp Phật nương tựa chánh pháp của Phật, gọi là nương tựa trụ không nhiễm ô, có chánh tinh tấn siêng năng khổ nhọc có hiệu quả, sinh ra hỷ, lạc, trụ tức là nói chánh tinh tấn v.v..., gọi là pháp có nhân.

Lại, đạo thế gian hướng đến lia dục và hay dẫn phát tính lự Vô Sắc v.v.... Đây tức là nghĩa nói đạo thế tục hàng phục dục địa dưới làm nhân dẫn phát, được lia quả trời buộc của trạch diệt kia. Lại do lia dục, dẫn phát được tính lự căn bản của Vô Sắc. Những việc này tức là nói Trạch diệt, tính lự Vô Sắc là pháp có nhân.

Kế là, trong phần nói về pháp có quả, nói ba pháp của hai thứ: Như trong có nhân ở trước, nói là thiện, ác đều có ba pháp:

1. Chi.
2. Nghe pháp.
3. Tư duy thắng giải.

Mười bốn, giải thích pháp duyên sinh, chỉ ra như ý địa.

Mười lăm, là giải thích pháp nội.

Nói: “Nếu do năng lực tăng thượng của pháp này, nên xứ sắc, thanh v.v... bên ngoài, sinh ra khác nhau v.v...”: Tức nếu do tăng thượng của năm căn, nên sinh ra năm trần bên ngoài.

Nói “Nếu vì hay nhiếp thọ hạt giống, nên đều là pháp nội”, thì đây là môn lý tùy chuyển, gieo trồng ở sáu căn thức, gọi là nội.

Nói “Nếu năm thứ sắc v.v... thanh tịnh v.v... cho đến “gọi là pháp nội”, nghĩa là năm căn như nhãn v.v... và thể tánh của tâm, ý thức là nội. Lại, có giả gọi là kiến lập pháp khác là nội, có thể được v.v...”,

nghĩa là vì phù căn năm trần ở tự thân, nên gọi là nội.

Mười sáu, là giải thích pháp thuộc về Danh, Sắc. Luận sư Cảnh nói: “Do xứ kia tăng trưởng có thể được, nghĩa là dùng “có thể tăng trưởng” để giải thích nghĩa sắc kia. Y cứ riêng sắc có kiến, để giải thích về nghĩa sắc: Sự va chạm của tay, khối đất v.v..., tức trở nên thay đổi, hư hoại, nghĩa là lấy cái có thể đổi thay, hư hoại để giải thích sắc kia. Ngoài ra, bốn uẩn cho đến gọi là tên bốn uẩn, nghĩa là do đặt ra các thứ Danh cho các pháp. Bốn uẩn nương tựa danh, thú hưởng các pháp. Từ chỗ nương tựa đó mà nói là danh, nên bốn uẩn bao gồm danh.

Dựa vào văn trên, có hai thuyết:

1- Như vì dựa vào lời nói để nói danh, nên tìm kiếm được các pháp; dựa vào bốn uẩn kia để lấy được các pháp. Cho nên bốn uẩn từ thí dụ đặt tên.

2- Bốn uẩn dựa theo lời nói, nói danh để lấy các pháp, từ đối tượng nương tựa đó nói là danh, nên gọi là bốn uẩn. Nay đối với nghĩa này, tương đương với thuyết sau. Pháp sư Thái nói: “Do mỗi thứ danh, vị, câu, nói là thế lực lập bày. Do mỗi thứ danh, vị, câu làm đối tượng nương tựa cho bốn uẩn, nên trừ năm thức, phần nhiều ý thức lưu chuyển, thú hưởng cảnh giới sở duyên của bốn uẩn kia, đa số dựa vào thế lực của danh, vị, câu mới có thể “duyên” cảnh, nên mới nói bốn uẩn là Danh. Từ đối tượng nương tựa, tiếp nhận tên gọi là, năm thức, bốn uẩn dù không dựa vào danh “duyên” cảnh, nhưng vì từ nhiều ý thức để nói, nên đều gọi là danh.

Mười bảy, là trong giải thích về pháp chấp thọ, chẳng phải chấp thọ, đại khái do năm tướng kiến lập chấp thọ. Ba tướng trước rất dễ hiểu. Từ “Do bốn nhân duyên đã đổi khác, cho đến “cảnh v.v... “sơ duyên’ của phẩm tà, chánh phan lự ” là tướng thứ tư. Lại, bị tổn hại, hoặc được lợi ích, gọi là đổi khác, đều là tướng thứ năm. Do có thể tổn hại, lợi ích, gọi là đổi khác, nên gọi là chấp thọ.

“Như thế ” trở xuống, là kết năm tướng ở trên, nếu là sắc, thì kết tướng đầu; nếu nội là kết tướng thứ hai; nếu tâm, tâm sở, là kết tướng thứ ba.

“Nếu như thế ” trở xuống, là kết tướng thứ tư, thứ năm.”

Mười tám, trong giải thích pháp đại tạo, trước quyết định lựa chọn đại tạo, sau kết pháp khác không hiện.

Trong phần trước có tám “Lại nữa”:

1. Nêu chung pháp có sắc.
2. Nói về nghĩa Đại tạo.

Nói “Nếu khi các đại chủng đã có hạt giống có thể sinh ra quả, thì hạt giống tạo sắc cũng sinh ra quả của mình”, nghĩa là dù là một “câu sinh”, nhưng chủ yếu là do hạt giống của bốn đại sinh ra quả, nên hạt giống của sắc tạo mới sinh quả, nói là bốn đại tạo ra sắc.

Nói “Theo đuổi hạt giống của đại chủng sắc căn, gọi là có phương sở”, nghĩa là dù không có tự thể riêng, tùy đối tượng mà căn nương tựa, gọi là phương sở.

3. Nói về sự khác nhau của hạt giống và hiện hành: Đại chủng hiện hành, tạo ra các sắc, chẳng phải hạt giống đại.

4. Nói về đại tạo không rời lẫn nhau, vì nhân chủng loại đại chủng kia mà thành sắc tạo, không đồng với biện luận rộng lia nhau mà trụ, không được quan hệ với nhau.

5. Y cứ vào nhóm, để nói về nhiếp có khác nhau:

Nói “Lại, trong nhóm sắc hoàn toàn cứng chắc v.v... cho đến “Như thứ lớp được thích ứng với sắc đó cũng thế. Luận sư Cảnh nói: “Do xúc sở tạo lia ngoài đại chủng, không có tự thể riêng, nên không luận riêng.

Nói “Nước, lửa v.v... còn phải chờ đợi “duyên” khác, mới có thể tạo nghiệp, nghĩa là như được lửa, sắt, lậu là nước. Hoặc gặp thế lực, tức như đối với nước v.v.... Pháp sư Thái nói: “Chỉ có nhóm sắc cứng, chỉ có cõi này có thể tạo nên sắc tạo của nghiệp dụng. Nếu đối với nhóm sắc rắn chắc của cõi Dục, thì cũng có sắc sở tạo của ba xứ sắc, hương, vị đồng với một đại tạo của đất. Đối với nhóm sắc kiên cố của cõi Sắc, chỉ có cõi Sắc nương tựa nghiệp dụng không có hương vị. Trong nhóm sắc cứng, trừ nước, lửa, gió và thanh giới, chỉ có hạt giống đã theo đuổi.

Nếu theo giải thích của Kinh Bộ, thì chính nhóm sắc cứng có sinh nước, lửa, gió và tiếng, với công xảo có thể làm hạt giống. Nay theo Đại thừa y cứ điểm tương đồng với cách giải thích của Kinh Bộ. Nếu y cứ vào nghĩa thật, thì nhóm sắc cứng không lia bản thức. Bản thức có sinh hạt giống của nước, lửa, gió v.v..., nên cũng nói là nhóm sắc cứng có hạt giống. Đối với nước, lửa, gió, gọi là trong nhóm giả tưởng, như đối tượng thích hợp của nhóm ấy, theo thứ lớp của cõi Dục, sắc cũng đồng với thuyết nói về nhóm đại địa của sắc cứng. Nhóm nước, lửa của cõi Dục có sắc, hương, vị. Cõi sắc chỉ có nhóm lớn sắc, gió. Cõi Dục hoặc chỉ có hương, gió của cõi Sắc hoàn toàn sắc hương.

Nói “Trong nhóm sắc nội cho đến “Nói rộng như kinh”, nghĩa là chẳng phải cho là một lân hư có đủ bốn đại. Trong một thân, máu là nước; lay động là gió; nhiệt là lửa, chất rắn là đất. Tạng Luận nói trong

vô minh quyết, có dẫn văn kinh đồng với luận này.

6. Nói về tạo xúc đều là giả có.

7. Giải thích về mật ý của kinh. (Đức Thế tôn lại nói Xúc, nghĩa là xứ ngoài, hoặc bốn đại chủng, hoặc sắc sở tạo có trái nhau, là mật ý gì?)

(Đáp: Các Đại chủng này, cho đến nói mỗi thứ khác nhau nhau nhám, trơn v.v.... Nghĩa là như nói “Vì đất, gió tăng, nên nhám v.v..., chỉ y cứ vào thời gian thế dụng của bốn đại, giả gọi là nhám v.v..., gọi là tự loại của tạo, sinh loại khác, nghĩa là nắm căn như nhãn v.v... bốn trần khác trừ xúc: Ngoài bốn đại này có chín xứ riêng và một phần pháp xứ. Loại khác tạo nhau, vì đối với sắc tạo của loại khác, nên nói “năng tạo”, “sở tạo” của tự loại.

Lại, nếu Phật-Đà-Đề-Bà-lập tất cả sắc tạo, đều vin lấy đại mà thành, thì đều là tướng xúc, nay kinh này đã nói: “Xúc, nghĩa là đại chủng của xứ ngoài và sở tạo, không nói là ngoài xúc, có chín sắc thật riêng khác, thế sao Tông Đại thừa của Luận chủ nói trong một sắc chỉ xúc là bám lấy bốn đại mà thành, chín sắc thật khác không vin lấy mà thành ư?

Nay sẽ giải thích, kinh này chỉ nói là đồng với tự loại trong xúc xứ. Nếu xúc xứ tạo là giả, thì sẽ y cứ vào đại chủng kia mà giả kiến lập, chín sắc tạo khác không y cứ vào đại chủng để giả kiến lập, vì sao đức Phật nói Xúc, nghĩa là xứ ngoài? Nếu bốn đại chủng sở tạo, không nói ngoài xúc có sắc riêng khác, thì đây là câu hỏi của Phật-Đà-Đề-Bà.

Kinh kia lập ngoài bốn đại, không có sắc sở tạo riêng, vì đều là thuộc về xứ xúc.

8. Sắc cảnh của tướng định. (Hỏi: “Luận trên đã nói sắc của định tự tại là bốn đại tạo nào?”

(Đáp: “Tùy ở tâm dựa vào định nào khởi, tức bốn đại sở tạo của địa định đó. Nay, trong luận này, tức nói là tùy theo sắc ảnh tượng bốn đại tạo, bản chất của sở duyên kia. Luận trên lại nói: “Sắc ảnh tượng này là từ tâm định khởi, chứ chẳng phải từ bốn đại tạo”, ba chỗ trái nhau. Nếu vì hòa hội?

(Giải thích: “Ở trước nói chẳng phải bốn đại tạo” là lời nói tận lý. Sắc đã do định sinh, từ tâm khởi, chẳng phải là pháp đối ngại, nên chẳng phải đại tạo. Nay, nói: “Đại tạo từ bản chất của sắc sở duyên làm rõ một sắc của ảnh tượng, nghĩa là y cứ vào “duyên” xa mà nói. Do quán bản chất của sắc kia, nên ảnh tượng sinh, thành thử lập ra thuyết này. Văn ở trước nói: “Từ tâm định “năng quán” đồng với đại tạo của



địa, là từ duyên gần ấy mà nói, nghĩa là do tâm định khởi bốn đại của đương địa, với nghĩa đồng xứ, đồng thời của sắc ảnh tượng, nói là tạo. Về lý, thật ra không tạo. Dù có ba thuyết, nhưng không trái nhau.

Thứ mười chín, Trong giải thích về pháp “có”. (Nói hỏi như đức Thế Tôn nói cho đến “nói lời như vậy”, nghĩa là Phật nói: “Người phạm phu, người học pháp thế gian hữu lậu ba cõi chưa dứt, nên đoạn, nói là hữu lậu.

Thứ hai mươi, giải thích về pháp hữu thượng, vô thượng. Năm nghĩa để giải thích pháp kia là Niết-bàn, là pháp vô thượng. Nhân ban đầu, thứ hai trong năm nhân, như từ lớp hữu dư. Hai nhân kế có cả hai, một vô dư kia.

Thứ hai mươi mốt, là pháp nên tu.

Nói: “Bốn tu nghĩa là phần nhiều y cứ vào nghĩa một thể để nói. Tam Tạng Pháp sư nói “Trừ bỏ như quán hai mươi người là tướng bất tịnh hiện ở trước. tướng định ảnh tượng của bản chất không hiện gọi là tu trừ bỏ. Lại, do sức quán, sức trừ, trừ bỏ sự thô, nặng của thân, tâm, được khinh an kia, gọi là tu trừ khử.

Trong văn chỉ y cứ vào tác ý bất thiện đã sinh, mà trừ đoạn, gọi là trừ khử tu. Trong đối trị tu có bốn đối trị. Nhắm vào dưới đây y cứ bảy tác ý để phối hợp: phải biết rằng, trong đây, từ “liễu” tướng cho đến Thắng giải”, gọi là đối trị tu nhằm chán tai họa, nghĩa là “liễu” tướng, quán sát, thắng giải, có ba.

Từ “lại lia cho đến “phương tiện rốt ráo, gọi là đoạn đối trị tu, trong đó có ba tác ý: Xa lia, nhiếp lạc, phương tiện rốt ráo.

Tác ý quả, gọi là trì đối trị tu. Từ đây trở lên, là tất cả bảy thứ tác ý này, thuộc về đọa vào địa trên của địa vượt hơn, nghĩa là bảy tác ý trước ở phương tiện địa. Nay, nói về bảy tác ý tiến tu tận cùng tùy trong địa căn bản. Phải biết rằng, tất cả gọi là đối trị tu phần xa, nghĩa là bảy thứ tác ý đối với đoạn trước, có ngăn ngừa xa, đều là đối trị phần xa.

Dưới đây, là gom bốn thứ tu chung thành hai thứ: Phòng hộ thọ trì tu và tác ý tư duy tu.

Dưới đây, là chia hai thành bốn, nghĩa là tu thân trong đây, gọi là phòng hộ tu, nghĩa là quán thân bất tịnh, gọi là tu thân, tức là trừ khử tu thứ ba trước. Tu giới, gọi là thọ trì tu, nghĩa là ngăn ngừa gìn giữ sáu căn, gọi là tu căn bản, là đối trị tu thứ tư ở trước. Nếu tác ý tu của địa tĩnh lực, thì gọi là tu tâm, là đắc tu thứ nhất ở trước. Nếu tu trí hiện quán để, thì gọi là tu tuệ, chính là tập tu thứ hai trước.

Thứ hai mươi hai, là giải thích về pháp ba đời: Trong giải thích

quá khứ, đầu tiên là nói chung pháp quá khứ. Sau, chỉ rõ riêng về sự quá khứ kia.

Trong phần trước có sáu trường hợp:

1. Nhân đã thọ lãnh hết.
2. Thể của quả đã diệt.
3. Pháp sau của duyên sinh, trừ bỏ uẩn sau cùng.
4. Tác dụng của nhân không mất, giúp cho quả sẽ thành thực.
5. Vì cảnh sinh niệm.
6. Chỉ Diệt đã rõ ràng, lại không có vật riêng.

Giải thích vị lai rằng “đắc”, nghĩa là hạt giống, vẫn khác, rất dễ hiểu.

Thư hai mươi ba, là giải thích pháp trói buộc trong ba cõi. (Giải thích cõi Dục rằng, tâm không ở định, nghĩa là khi nhập định, cũng có căn, trần và bản thức v.v..., chẳng phải pháp của định địa, mà chẳng phải hoàn toàn, nên lược qua không nói. Hoặc có thể tâm định, gọi là ở định. Pháp khác của địa vị này không gọi là ở định.

Trong giải thích về cõi Sắc, nói “hoặc từ định khởi, nghĩa là như tâm biến hóa v.v... ”.

Thứ hai mươi bốn, trong giải thích về pháp ba tánh, trước, nói về danh nghĩa; sau lập sự khác nhau.

Trong phần trước, nếu thiện hữu lậu, hàng phục các điên đảo, đi đến cõi người, cõi trời. Nếu thiện vô lậu, thì dứt trừ các điên đảo, chứng nhập Niết-bàn, nên đều gọi là an ổn.

Trong kiến lập sự khác nhau, nói là trụ thanh tịnh, nên là bốn vô lượng.

Nói “Lại, các pháp thiện, nếu do thí cho mà thành tựu, cho đến “tự tanh đều vượt hơn”. Ba vô lượng thành, hai vô lượng sau đối nhau. Hoàn toàn kém, vì ở địa dưới, vì giới ở giữa, đối với thí cho là vượt hơn; đối với tu là kém, vì tu rất vượt hơn, nên hai vô lượng ở trước hoàn toàn vượt hơn.

Nói tự tánh vô ký trong đây, nghĩa là các sắc căn v.v.... Luận sư Cảnh nói: “Nuôi lớn năm căn, năm trần phi tình. Năm trần phù căn đều thuộc về tự tánh vô ký.

Nói: “Chẳng phải thuộc về Di thực v.v... ”, nghĩa là năm trần, đẳng, thủ, oai nghi, công xảo và biến hóa, đều chẳng phải ư tánh vô ký, cho nên dứt trừ. Pháp sư Thái nói: “trong tự tánh vô ký, chỉ chỉ ra sắc kia, nên biết được tâm chỉ thuộc bốn thứ vô ký, lại không có vô ký thứ năm.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Pháp chấp trong thức thứ sáu, thức thứ bảy cũng gọi là vô ký tự tánh, nên chung cho năm uẩn.

Thứ hai mươi lăm, là giải thích về pháp ba học. Về mặt đạo lý, bảy phương tiện thiện của kiến đạo về trước cũng thuộc về học. Nay, ở đây, phán xếp chung pháp ba tánh mà phàm phu đã thành, đều thuộc về “câu phi”.

Thứ hai mươi sáu, là giải thích về pháp ba đoạn, nói “và pháp qua đến nghiệp đường ác v.v..., tức lấy thân nghiệp của người nữ. Nghiệp “hữu” thứ tám, nghiệp Uất-Đơn-Việt và nghiệp trời vô Tướng đều ở trong kiến đoạn nói rằng: “Tất cả vô phú”, (Hỏi: “Luận trên đã nói lúc kiến đạo, dứt trừ uẩn, giới, xứ của tất cả đường ác, sao trong đây lại nói rằng vô phú, vô ký đều do tu dứt trừ ư?”

(Giải thích: “Trước kia vì y cứ vào nhân mất, quả tiêu, nên nói uẩn, giới, xứ của tất cả đường ác đều do kiến đạo dứt trừ. Nay y cứ ở thể của Bộ có duyên ràng buộc kia. Lúc duyên ràng buộc, vì chủ yếu do tu đạo, nên không trái nhau.

Thứ hai mươi bảy, giải thích về pháp rất sâu xa khó thấy, ý nói là tự tướng của các pháp vì không thể nói năng, nên rất sâu sắc như tự tướng của sắc chỉ có nhãn thức chứng biết, cho đến chỉ, như uống nước lạnh, chỉ người chứng mới biết, không thể nói năng, vì nói sự lạnh ấy đều không đúng với sự thật. Vì muốn làm phương tiện dắt dẫn, nên khi nói các pháp chỉ nói cộng tướng, như khi nói sắc, như tên của sắc này, tức vì nêu tất cả các sắc, nên là cộng tướng. Âm Thinh v.v... cũng thế, nên pháp tự tướng không thể nói năng.

Trên đây, quyết định lựa chọn riêng đã xong. Dưới đây là nhắc lại để kết, khuyên tư duy.

